

**Mẫu CBTT/SGDHCM-06**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTY CP TẬP ĐOÀN THÉP  
TIẾN LÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiến Lên, ngày 11 tháng 05 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG  
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

Mã chứng khoán: TLH

Địa chỉ trụ sở chính: G4A – Khu phố 4 – Phường Tân Hiệp – TP. Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0613.823187

Fax: 0613.829043

Người thực hiện công bố thông tin: ĐÀO THỊ KIM LOAN

Địa chỉ: D20F – Khu phố 5 – Phường Tân Hiệp – TP. Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0989.178.110 Fax: 0613.857591

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (\*):

- **Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 1 năm 2016 (đã soát xét)**

<http://tienlengroup.com.vn/199/4248/Bao-cao-tai-chinh/Bao-cao-tai-chinh-Hop-nhat-quy-12016-da-soat-xet.aspx>

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/05/2016.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất Q.1/2016  
(đã soát xét)

**Người đại diện theo pháp luật/**

**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Kế Toán Trưởng**  
**ĐÀO THỊ KIM LOAN**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban điều hành	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05-34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-34



## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Ủy viên
Ông Phạm Công Thìn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên
Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 08 ngày 17 tháng 02 năm 2016, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Mạnh Hà - chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban điều hành



Đồng Nai, ngày 14 tháng 04 năm 2016



Số: 1283/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Quốc Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0285-2013-002-1

**Vũ Xuân Biên**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2016

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.277.736.475.955</b>	<b>1.209.757.585.406</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	126.720.472.631	98.467.847.773
111	1. Tiền		58.410.356.619	47.442.013.024
112	2. Các khoản tương đương tiền		68.310.116.012	51.025.834.749
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	14.385.282.865	17.227.027.465
121	1. Chứng khoán kinh doanh		21.739.695.396	23.903.937.316
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(7.354.412.531)	(6.676.909.851)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		333.493.600.201	314.068.237.901
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	216.172.964.605	266.125.982.601
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	86.646.704.195	20.359.712.121
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		10.620.000.000	10.620.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.278.034.734	18.286.646.512
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(224.103.333)	(1.324.103.333)
140	IV. Hàng tồn kho	8	790.851.561.647	765.445.675.002
141	1. Hàng tồn kho		861.647.065.189	860.931.279.342
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(70.795.503.542)	(95.485.604.340)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.285.558.611	14.548.797.265
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.205.601.224	941.399.313
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.409.824.545	9.605.037.728
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2.670.132.842	4.002.360.224
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>604.458.314.144</b>	<b>602.100.005.064</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		600.000	600.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	600.000	600.000
220	II. Tài sản cố định		335.881.549.592	339.999.924.109
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	212.972.571.037	216.832.702.074
222	- Nguyên giá		356.224.897.802	355.468.409.844
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(143.252.326.765)	(138.635.707.770)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	122.908.978.555	123.167.222.035
228	- Nguyên giá		130.115.306.720	130.115.306.720
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.206.328.165)	(6.948.084.685)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	86.238.801.131	84.687.093.916
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		86.238.801.131	84.687.093.916
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	169.606.101.865	164.473.677.883
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		169.606.101.865	164.473.677.883
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.731.261.556	12.938.709.156
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	12.731.261.556	12.938.709.156
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.882.194.790.099</b>	<b>1.811.857.590.470</b>

2011  
 CÔNG  
 VÀNG  
 KIẾ  
 AAS  
 KIẾM

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>936.001.251.756</b>	<b>971.390.423.088</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>935.232.830.858</b>	<b>970.623.302.190</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	156.438.879.662	111.265.855.973
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.897.350.581	5.264.160.077
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	101.868.405	1.053.789.928
314	4. Phải trả người lao động		2.189.286.269	4.255.904.288
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		489.262.349	2.034.664.663
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		81.000.000	108.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.797.064.443	2.957.600.524
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	759.251.494.703	837.550.747.791
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.986.624.446	6.132.578.946
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>768.420.898</b>	<b>767.120.898</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		181.870.306	180.570.306
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		586.550.592	586.550.592
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>946.193.538.343</b>	<b>840.467.167.382</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>946.193.538.343</b>	<b>840.467.167.382</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		846.455.640.000	846.455.640.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		846.455.640.000	846.455.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.743.395.153	21.743.395.153
415	3. Cổ phiếu quỹ		(8.993.360.790)	(8.993.360.790)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.546.932.622	51.546.932.622
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.868.538.215	(83.008.033.868)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(83.008.033.868)	86.339.584.695
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		103.876.572.083	(169.347.618.563)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		14.572.393.143	12.722.594.265
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.882.194.790.099</b>	<b>1.811.857.590.470</b>

  
Đỗ Thị Kim Dung  
Người lập

  
Đào Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Mạnh Hùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đồng Nai, ngày 14 tháng 04 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

3 tháng đầu năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	3 tháng đầu năm	3 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.008.461.395.318	828.018.001.856
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		5.714.248	120.392.667
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.008.455.681.070	827.897.609.189
11	4. Giá vốn hàng bán	19	878.648.349.630	795.403.017.526
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		129.807.331.440	32.494.591.663
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.491.530.759	3.288.350.016
22	7. Chi phí tài chính	21	13.048.307.914	20.283.084.153
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.905.285.924	15.696.415.375
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		5.132.423.982	319.841.855
25	9. Chi phí bán hàng	22	10.208.394.361	8.617.852.271
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	7.533.313.712	7.916.745.343
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		105.641.270.194	(714.898.233)
31	12. Thu nhập khác	24	1.719.447.087	6.643.901.399
32	13. Chi phí khác		302.012.302	626.369.561
40	14. Lợi nhuận khác		1.417.434.785	6.017.531.838
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		107.058.704.979	5.302.633.605
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.332.334.018	2.336.877.833
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>105.726.370.961</u>	<u>2.965.755.772</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		103.876.572.083	3.316.646.290
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.849.798.878	(350.890.518)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.249	39

JIT  
CỘNG  
HỢP  
ANG V  
A  
TOÁN

*Đỗ Thị Kim Dung*

Đỗ Thị Kim Dung  
Người lập

Đồng Nai, ngày 14 tháng 04 năm 2016

*Đào Thị Kim Loan*

Đào Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**3 tháng đầu năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	3 tháng đầu năm	3 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		107.058.704.979	5.302.633.605
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.418.135.202	5.058.998.077
03	- Các khoản dự phòng		(25.112.598.118)	1.604.331.800
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.059.420.846)	(6.320.086.594)
06	- Chi phí lãi vay		11.905.285.924	15.696.415.375
08	14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		93.210.107.141	21.342.292.263
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(14.642.341.623)	16.898.196.463
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(715.785.847)	(219.116.867.384)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		44.532.333.697	68.652.033.842
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.056.754.311)	(1.776.644.248)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		2.164.241.920	(3.965.020.600)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.304.174.376)	(15.825.506.338)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.354.909.011)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	45.775.433
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(145.954.500)	(112.805.758)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		108.041.672.101	(135.213.455.338)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.851.467.900)	(2.238.229.499)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90.909.091	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.270.764.654	2.888.253.857
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.489.794.155)	650.024.358
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		729.149.155.477	913.159.107.801
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(807.448.408.565)	(804.709.556.407)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(71.824.717.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(78.299.253.088)	36.624.834.394
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		28.252.624.858	(97.938.596.586)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

3 tháng đầu năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	3 tháng đầu năm	3 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		98.467.847.773	212.447.953.164
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>126.720.472.631</u>	<u>114.509.356.578</u>

Đỗ Thị Kim Dung  
Người lập

Đào Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hà  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đồng Nai, ngày 14 tháng 04 năm 2016



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu năm 2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiên Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 846.455.640.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 846.455.640.000 đồng; tương đương 84.645.564 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 03 năm 2010 với mã giao dịch là TLH.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng, gỗ cây và gỗ chế biến (không chứa hàng tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: gia công cơ khí, (trừ xi mạ - không gia công tại trụ sở).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong quý 1 năm 2016, Do biến động của thị trường các sản phẩm về sắt thép, giá các sản phẩm về sắt thép có xu hướng tăng về 31/3/2016. Điều này dẫn đến biến động lớn về tỷ lệ lãi gộp cũng như kết quả kinh doanh của Công ty trong năm nay với cùng kỳ năm trước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**Cấu trúc Tập đoàn****- Tổng số Công ty con:**

- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 5 công ty.
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty.

**- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2016 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Thành phố Hồ Chí Minh	95,83%	95,83%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Thành phố Hồ Chí Minh	97,35%	97,35%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

**- Các công ty con do Công ty sở hữu gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2016 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Phúc Tiến Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	72,00%	72,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

**- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2016 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Tỉnh Đồng Nai	48,00%	48,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

*Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán từ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

C.T  
J.T.V  
K.H.H  
A.A.S  
DANK



**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	Trích khấu hao theo thời hạn sử dụng đất
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn	Không trích khấu hao

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.17 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÈP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	890.235.870	248.923.271
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.520.120.749	47.193.089.753
Các khoản tương đương tiền	68.310.116.012	51.025.834.749
	<u>126.720.472.631</u>	<u>98.467.847.773</u>

Tại 31/03/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIÊN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/03/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	21.739.695.396	14.385.282.865	(7.354.412.531)	23.903.937.316	15.163.937.465	(6.676.909.851)
<i>Công ty CP Kinh Đô</i>	3.493.732.750	1.645.000.000	(1.848.732.750)	3.493.732.750	1.701.000.000	(1.792.732.750)
<i>Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội</i>	2.553.825.000	1.587.000.000	(966.825.000)	2.553.825.000	1.702.000.000	(851.825.000)
<i>Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn</i>	-	-	-	2.063.090.000	-	-
<i>Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Tân Kỳ</i>	2.302.065.000	1.332.210.000	(969.855.000)	2.302.065.000	1.250.535.000	(1.051.530.000)
<i>Tổng Công ty CP Xuất nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam</i>	2.428.076.070	1.958.746.800	(469.329.270)	2.529.227.990	2.240.380.800	(288.847.190)
<i>Các cổ phiếu khác</i>	10.961.996.576	7.862.326.065	(3.099.670.511)	10.961.996.576	8.270.021.665	(2.691.974.911)
	<b>21.739.695.396</b>	<b>14.385.282.865</b>	<b>(7.354.412.531)</b>	<b>23.903.937.316</b>	<b>15.163.937.465</b>	<b>(6.676.909.851)</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh căn cứ trên bảng giá thị trường của các chứng khoán kinh doanh này tại thời điểm 31/03/2016.

**b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 48%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 172.800.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 164.473.677.883 đồng và 169.606.101.865 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Công ty CP Thép Bắc Nam	-	84.402.284.428
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Thương Mại Đại Dũng	10.431.782.686	2.455.806.160
Công ty TNHH SX & TM Minh Tiến	18.802.837.608	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	186.938.344.311	179.267.892.013
	<b><u>216.172.964.605</u></b>	<b><u>266.125.982.601</u></b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	<b><u>84.402.284.428</u></b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa nhập khẩu	76.181.663.758	12.494.725.807
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp khác	10.465.040.437	7.864.986.314
	<b><u>86.646.704.195</u></b>	<b><u>20.359.712.121</u></b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	512.085.870	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	42.040	-
Tạm ứng	2.354.304.461	-	6.871.564.978	-
Ký cược, ký quỹ	890.331.430	-	15.646.297	-
Các khoản chi hộ	15.250.705.799	-	2.148.781.798	-
Phải thu khác	1.782.693.044	-	8.738.525.529	-
	<b><u>20.278.034.734</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>18.286.646.512</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	600.000	-	600.000	-
	<b><u>600.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>600.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

1111  
 CÔNG  
 CHỨC  
 NG KI  
**A/**  
 DANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2016		01/01/2016	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	17.780.952.457	-	4.642.592.708	-
Nguyên liệu, vật liệu	175.152.198.712	(17.177.607.131)	210.275.603.340	(21.777.126.098)
Công cụ, dụng cụ	258.111.985	-	228.334.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.753.325.822	-	1.807.757.922	-
Thành phẩm	28.700.685.971	(2.893.084.751)	42.216.036.165	(5.683.759.903)
Hàng hoá	638.001.790.242	(50.724.811.660)	601.760.954.507	(68.024.718.339)
	<b>861.647.065.189</b>	<b>(70.795.503.542)</b>	<b>860.931.279.342</b>	<b>(95.485.604.340)</b>

**9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>85.703.801.131</b>	<b>84.152.093.916</b>
- Xây dựng chi nhánh tại Long Thành	55.824.307.748	55.806.125.930
- Xây dựng nhà kho tại Đà Nẵng	20.337.851.977	18.902.227.417
- Công trình Đèn Lừ	4.766.423.430	4.766.423.430
- Giá trị quyền sử dụng đất lô 9D2	3.454.373.121	3.440.235.598
- Công trình khác	1.320.844.855	1.237.081.541
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>535.000.000</b>	<b>535.000.000</b>
- Chi phí mua phần mềm máy tính	535.000.000	535.000.000
	<b>86.238.801.131</b>	<b>84.687.093.916</b>

1/10  
 1/10  
 3C  
 1/10

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	148.204.997.313	139.986.015.526	65.849.453.107	1.099.073.395	328.870.503	355.468.409.844
- Mua trong kỳ	-	115.112.095	1.184.648.590	-	-	1.299.760.685
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(543.272.727)	-	-	(543.272.727)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>148.204.997.313</b>	<b>140.101.127.621</b>	<b>66.490.828.970</b>	<b>1.099.073.395</b>	<b>328.870.503</b>	<b>356.224.897.802</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	41.572.754.891	58.561.064.342	37.559.652.229	649.115.813	293.120.495	138.635.707.770
- Khấu hao trong kỳ	1.443.343.831	2.250.277.300	1.418.027.333	44.993.259	3.249.999	5.159.891.722
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(543.272.727)	-	-	(543.272.727)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>43.016.098.722</b>	<b>60.811.341.642</b>	<b>38.434.406.835</b>	<b>694.109.072</b>	<b>296.370.494</b>	<b>143.252.326.765</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	106.632.242.422	81.424.951.184	28.289.800.878	449.957.582	35.750.008	216.832.702.074
Tại ngày cuối kỳ	<b>105.188.898.591</b>	<b>79.289.785.979</b>	<b>28.056.422.135</b>	<b>404.964.323</b>	<b>32.500.009</b>	<b>212.972.571.037</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.028.749.170 đồng





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	130.031.806.720	83.500.000	130.115.306.720
Số dư cuối kỳ	130.031.806.720	83.500.000	130.115.306.720
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.864.584.685	83.500.000	6.948.084.685
- Khấu hao trong kỳ	258.243.480	-	258.243.480
Số dư cuối kỳ	7.122.828.165	83.500.000	7.206.328.165
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	123.167.222.035	-	123.167.222.035
Tại ngày cuối kỳ	122.908.978.555	-	122.908.978.555

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	535.056.445	552.986.640
Giá trị quyền thuê đất góp vốn thành lập công ty con Phúc Tiến Hải Phòng	10.500.000.000	10.500.000.000
Chi phí mua bảo hiểm	-	15.859.901
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.696.205.111	1.869.862.615
	<b>12.731.261.556</b>	<b>12.938.709.156</b>

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư				
Bright ruby resources Pte	20.902.835.708	20.902.835.708	10.659.922.358	10.659.922.358
Công ty TNHH Vy Hồng Loan	-	-	10.151.833.683	10.151.833.683
Công ty TNHH Metal one Vietnam	45.933.488.445	45.933.488.445	64.879.048.730	64.879.048.730
Công Ty CP Thép Bắc Nam	42.738.684.469	42.738.684.469	4.933.701.091	4.933.701.091
Phải trả các đối tượng khác	46.863.871.040	46.863.871.040	20.641.350.111	20.641.350.111
	<b>156.438.879.662</b>	<b>156.438.879.662</b>	<b>111.265.855.973</b>	<b>111.265.855.973</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số				
	42.738.684.469	42.738.684.469	4.933.701.091	4.933.701.091

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	44.222.269	-	68.197.989.120	68.197.989.120	44.222.269	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	4.015.981	-	-	-	4.015.981	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.954.121.974	-	1.332.334.018	-	2.621.787.956	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.053.789.928	106.281.113	1.058.309.272	106.636	101.868.405
Các loại thuế khác	-	-	29.000.000	29.000.000	-	-
	<b>4.002.360.224</b>	<b>1.053.789.928</b>	<b>69.665.604.251</b>	<b>69.285.298.392</b>	<b>2.670.132.842</b>	<b>101.868.405</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	293.197.857	281.570.575
- Bảo hiểm xã hội	350.026.134	62.070.137
- Bảo hiểm y tế	65.827.273	1.395.445
- Bảo hiểm thất nghiệp	23.713.261	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.032.500	8.032.500
- Phải trả Bà Phạm Thị Hồng	1.451.236.775	1.451.236.775
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.605.030.643	1.153.295.092
	<b>4.797.064.443</b>	<b>2.957.600.524</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**16 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2016		Trong kỳ		31/03/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	814.748.886.117	814.748.886.117	690.919.394.969	763.959.054.661	741.709.226.425	741.709.226.425
- Vay tổ chức và các cá nhân khác	22.801.861.674	22.801.861.674	38.229.760.508	43.489.353.904	17.542.268.278	17.542.268.278
	<b>837.550.747.791</b>	<b>837.550.747.791</b>	<b>729.149.155.477</b>	<b>807.448.408.565</b>	<b>759.251.494.703</b>	<b>759.251.494.703</b>

**b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay ngắn hạn đối với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/03/2016		01/01/2016	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>					
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	5.405.603.668	-	13.966.078.375	-
- Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	11.330.164.610	-	4.813.406.342	-
		<b>16.735.768.278</b>	<b>-</b>	<b>18.779.484.717</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	806.856.880.000	21.743.395.153	-	51.546.932.622	206.624.032.695	17.631.943.750	1.104.403.184.220
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	3.316.646.290	(350.890.518)	2.965.755.772
Chi trả cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	(80.685.688.000)	-	(80.685.688.000)
Số dư cuối kỳ trước	806.856.880.000	21.743.395.153	-	51.546.932.622	129.254.990.985	17.281.053.232	1.026.683.251.992
Số dư đầu năm nay	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	51.546.932.622	(83.008.033.868)	12.722.594.265	840.467.167.382
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	103.876.572.083	1.849.798.878	105.726.370.961
Số dư cuối kỳ này	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	51.546.932.622	20.868.538.215	14.572.393.143	946.193.538.343

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Ông Nguyễn Mạnh Hà	165.254.400.000	19,52%	156.789.400.000	18,52%
Vốn góp của Bà Phạm Thị Hồng	95.898.420.000	11,33%	95.898.420.000	11,33%
Vốn góp của Ông Nguyễn Văn Quang	79.792.900.000	9,43%	79.792.900.000	9,43%
Vốn góp của đối tượng khác	496.516.559.210	58,66%	504.981.559.210	59,66%
Cổ phiếu quỹ	8.993.360.790	1,06%	8.993.360.790	1,06%
	<b>846.455.640.000</b>	<b>100%</b>	<b>846.455.640.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	3 tháng đầu năm	3 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	846.455.640.000	806.856.880.000
- Vốn góp đầu kỳ	846.455.640.000	806.856.880.000
- Vốn góp cuối kỳ	846.455.640.000	806.856.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	80.685.688.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	80.685.688.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>31/03/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	84.645.564	84.645.564
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	84.645.564	84.645.564
- Cổ phiếu phổ thông	84.645.564	84.645.564
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.460.000	1.460.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.460.000	1.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.185.564	83.185.564
- Cổ phiếu phổ thông	83.185.564	83.185.564
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>	<b>31/03/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	51.546.932.622	51.546.932.622
	<b>51.546.932.622</b>	<b>51.546.932.622</b>
<b>18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>3 tháng đầu năm</b>	<b>3 tháng đầu năm</b>
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	219.951.201.546	249.297.931.233
Doanh thu bán hàng hóa	785.823.047.752	576.238.722.586
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.687.146.020	2.481.348.037
	<b>1.008.461.395.318</b>	<b>828.018.001.856</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)	<b>73.468.591.287</b>	<b>79.892.269.125</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	3 tháng đầu năm 2016	3 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	209.929.930.371	252.651.747.341
Giá vốn của hàng hóa đã bán	691.768.940.154	541.645.871.049
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.639.579.903	1.105.399.136
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.690.100.798)	-
	<b>878.648.349.630</b>	<b>795.403.017.526</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	3 tháng đầu năm 2016	3 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	646.171.784	676.290.666
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	6.217.050	-
Lãi bán các khoản đầu tư	185.470.290	247.836.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	112.507.000	77.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	540.175.749	2.279.471.222
Doanh thu hoạt động tài chính khác	988.886	7.752.128
	<b>1.491.530.759</b>	<b>3.288.350.016</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	3 tháng đầu năm 2016	3 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.905.285.924	15.696.415.375
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	17.152.210	178.430.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	217.696.404	2.475.398.428
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	677.502.680	1.604.331.800
Chi phí tài chính khác	230.670.696	328.508.150
	<b>13.048.307.914</b>	<b>20.283.084.153</b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	3 tháng đầu năm 2016	3 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	284.014.004	246.401.818
Chi phí nhân công	3.643.282.464	3.313.408.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.264.460.128	1.235.536.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.469.095.221	2.094.936.976
Chi phí khác bằng tiền	3.547.542.544	1.727.568.554
	<b>10.208.394.361</b>	<b>8.617.852.271</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	3 tháng đầu năm 2016	3 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.643.818	179.288.467
Chi phí nhân công	3.847.487.291	4.345.058.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.362.721.134	1.204.952.400
Thuế, phí, lệ phí	29.066.367	21.835.297
Hoàn nhập dự phòng	(1.100.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.588.238.916	1.164.723.825
Chi phí khác bằng tiền	1.614.156.186	1.000.886.706
	<b><u>7.533.313.712</u></b>	<b><u>7.916.745.343</u></b>

**24 . THU NHẬP KHÁC**

	3 tháng đầu năm 2016	3 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	5.610.000.000
Thu nhập khác	1.719.447.087	1.033.901.399
	<b><u>1.719.447.087</u></b>	<b><u>6.643.901.399</u></b>

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	3 tháng đầu năm 2016	3 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	103.876.572.083	3.316.646.290
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	103.876.572.083	3.316.646.290
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	83.185.564	84.645.564
	<b><u>1.249</u></b>	<b><u>39</u></b>

**26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	3 tháng đầu năm 2016	3 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.162.887.189	256.351.061.608
Chi phí nhân công	4.778.054.606	8.858.627.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.418.135.202	5.058.998.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.244.478.536	5.034.374.514
Chi phí khác bằng tiền	927.981.319	2.529.742.739
	<b><u>241.531.536.852</u></b>	<b><u>277.832.804.839</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.720.472.631	-	98.467.847.773	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	236.451.599.339	(224.103.333)	284.413.229.113	(1.324.103.333)
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	10.620.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	21.739.695.396	(7.354.412.531)	23.903.937.316	(6.676.909.851)
	<b>395.531.767.366</b>	<b>(7.578.515.864)</b>	<b>417.405.014.202</b>	<b>(8.001.013.184)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	759.251.494.703	837.550.747.791
Phải trả người bán, phải trả khác	161.417.814.411	114.404.026.803
Chi phí phải trả	489.262.349	2.034.664.663
	<b>921.158.571.463</b>	<b>953.989.439.257</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/03/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.720.472.631	-	-	126.720.472.631
Phải thu khách hàng, phải thu khác	236.226.896.006	600.000	-	236.227.496.006
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	-	10.620.000.000
Đầu tư ngắn hạn	14.385.282.865	-	-	14.385.282.865
	<b>387.952.651.502</b>	<b>600.000</b>	<b>-</b>	<b>387.953.251.502</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.467.847.773	-	-	98.467.847.773
Phải thu khách hàng, phải thu khác	283.088.525.780	600.000	-	283.089.125.780
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	-	10.620.000.000
Đầu tư ngắn hạn	17.227.027.465	-	-	17.227.027.465
	<b>409.403.401.018</b>	<b>600.000</b>	<b>-</b>	<b>409.404.001.018</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/03/2016</b>				
Vay và nợ	759.251.494.703	-	-	759.251.494.703
Phải trả người bán, phải trả khác	161.235.944.105	181.870.306	-	161.417.814.411
Chi phí phải trả	489.262.349	-	-	489.262.349
	<b>920.976.701.157</b>	<b>181.870.306</b>	<b>-</b>	<b>921.158.571.463</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	837.550.747.791	-	-	837.550.747.791
Phải trả người bán, phải trả khác	114.223.456.497	180.570.306	-	114.404.026.803
Chi phí phải trả	2.034.664.663	-	-	2.034.664.663
	<b>953.808.868.951</b>	<b>180.570.306</b>	<b>-</b>	<b>953.989.439.257</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

kể toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	219.951.201.546	785.817.333.504	2.687.146.020	1.008.455.681.070
Chi phí bộ phận trực tiếp	202.539.736.252	674.469.033.475	1.639.579.903	878.648.349.630
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17.411.465.294</b>	<b>111.348.300.029</b>	<b>1.047.566.117</b>	<b>129.807.331.440</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	115.112.095	-	1.184.648.590	1.299.760.685
Tài sản bộ phận	410.519.781.282	1.466.659.684.560	5.015.324.257	1.882.194.790.099
<b>Tổng tài sản</b>	<b>410.519.781.282</b>	<b>1.466.659.684.560</b>	<b>5.015.324.257</b>	<b>1.882.194.790.099</b>
Nợ phải trả bộ phận	204.148.386.327	729.358.782.560	2.494.082.869	936.001.251.756
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>204.148.386.327</b>	<b>729.358.782.560</b>	<b>2.494.082.869</b>	<b>936.001.251.756</b>
<b>Theo khu vực địa lý</b>				

Trên 90% hàng bán trong nước, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 16.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	3 tháng đầu năm	3 tháng đầu năm
		2016	2015
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		<b>73.468.591.287</b>	<b>79.892.269.125</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	73.468.591.287	79.892.269.125
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>167.507.310.846</b>	<b>51.210.081.634</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	167.507.310.846	51.210.081.634

Số dư tại ngày kết thúc năm:


	Mối quan hệ	31/03/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>		<b>-</b>	<b>84.402.284.428</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	-	84.402.284.428
<b>Phải thu khác</b>		<b>12.616.486.013</b>	<b>6.506.403.320</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	12.616.486.013	6.506.403.320
<b>Phải trả tiền hàng</b>		<b>42.738.684.469</b>	<b>4.933.701.091</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	42.738.684.469	4.933.701.091
<b>Phải trả khác</b>		<b>1.451.236.775</b>	<b>-</b>
Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	1.451.236.775	-


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	3 tháng đầu năm	3 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban điều hành và Hội đồng Quản trị	648.328.053	667.374.030

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 do Công ty lập.

  
Đỗ Thị Kim Dung  
Người lập

  
Đào Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 14 tháng 04 năm 2016